



**CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT**

Trụ sở: 128 Thới An 21, P. Thới An, Q. 12, TP. HCM

Liên hệ: 0982.097.050

MST: 0316.727.024

Email: admin@moitruongnamviet.vn

Website: namvietenvi.com



Số: 0191(1)-09.2023/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Tiếng ồn, độ rung
Ngày quan trắc : 30/08/2023
Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp quan trắc	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Tiếng ồn ^{(a)(*)}	TCVN 7878-2:2010	35 ÷ 130 dBA
2	Độ rung ^{(a)(*)}	TCVN 6963:2001	20 ÷ 150 dB

KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Vị trí quan trắc	Thời gian quan trắc	Tiếng ồn	Mức gia tốc rung
Đơn vị	-	dBA	dB
1. Khu vực gần cụm thiết bị nén	9h30	86,4	61
2. Khu vực khí nén	9h40	90,1	59
QCVN 26:2010/BTNMT	-	6 giờ - 21 giờ: 70 21 giờ - 6 giờ: 55	-
QCVN 27:2010/BTNMT	-	-	6 giờ - 21 giờ: 70 21 giờ - 6 giờ: 60

Ghi chú:

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Thanh Sơn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT**

Trụ sở: 128 Thới An 21, P. Thới An, Q. 12, TP. HCM

Liên hệ: 0982.097.050

MST: 0316.727.024

Email: admin@moitruongnamviet.vn

Website: namvietenvi.com



Số: 0191(1)-09.2023/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải tại đầu ra của nước thải sau khi qua hệ thống xử lý
Ngày lấy mẫu : 30/08/2023 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT4/02/30.08.2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ ^(*)	°C	30,1	4 ÷ 55	40	SMEWW 2550B:2017
2	pH ^(*)	-	6,79	2 ÷ 12	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
3	DO ^(Δ)	mg/L	0,45	0,09	-	TCVN 7324: 2004
4	BOD ₅ ^(a)	mg/L	45,6	1,0	50	SMEWW 5210B:2017
5	COD ^(a)	mg/L	103,7	3,0	150	SMEWW 5220C:2017
6	TSS ^(a)	mg/L	38,0	4,0	100	TCVN 6625:2000
7	Cr (VI) ^(a)	mg/L	KPH	0,003	0,1	SMEWW 3500-Cr.B:2017
8	Sắt ^(a)	mg/L	0,22	0,05	5	SMEWW 3500-Fe.B:2017
9	Tổng Nito ^(a)	mg/L	15,1	2,0	40	TCVN 6638:2000
10	Tổng Phospho ^(a)	mg/L	0,84	0,03	6	SMEWW 4500-P.B&E:2017
11	Clorua ^(a)	mg/L	118,4	5,0	1.000	TCVN 6194:1996
12	SO ₄ ^{2-(Δ)}	mg/L	18,6	1,05	-	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ E:2017
13	Tổng dầu, mỡ ^(Δ)	mg/L	KPH	0,3	-	SMEWW 5520.B: 2017
14	Cu ^(Δ)	mg/L	KPH	0,016	2	SMEWW 3113.B: 2017
15	Pb ^(Δ)	mg/L	KPH	0,0021	0,5	SMEWW 3113.B: 2017
16	Zn ^(Δ)	mg/L	KPH	0,016	3	SMEWW 3113.B: 2017
17	Cd ^(Δ)	mg/L	KPH	13×10 ⁻⁵	0,1	SMEWW 3113.B: 2017
18	Hg ^(Δ)	mg/L	KPH	25×10 ⁻⁵	0,01	TCVN 7877:2008
19	Lưu lượng ^(Δ)	m ³ /h	11,4	0 ÷ 219.600	-	ISO 4064-5:2014
20	Coliform ^(a)	MPN/100mL	3.600	2	5.000	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(*) : Các chỉ tiêu đo hiện trường

(Δ) : Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động, Vimcerts 026)

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Thanh Sơn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT**

Trụ sở: 128 Thới An 21, P. Thới An, Q. 12, TP. HCM

Liên hệ: 0982.097.050

MST: 0316.727.024

Email: admin@moitruongnamviet.vn

Website: namvietenvi.com



Số: 0191(1)-09.2023/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tại phòng điều khiển (CCR)
Ngày lấy mẫu : 30/08/2023
Mã số mẫu : NT5/02/30.08.2023

Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (30,4°C)	-	7,11	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	41,3	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	TSS ^(a)	mg/L	22,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	KPH	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua (Tính theo H ₂ S) ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
6	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	4,76	1,0	12	TCVN 5988:1995
7	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	2,73	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	1,42	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
9	TDS ^(a) (*)	mg/L	435	0 ÷ 1.999	1.200	HD-QT-16*
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	2.800	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng ^(A)	m ³ /h	0,06	0 ÷ 219.600	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động, Vimcerts 026)

*HD-QT-16: Phương pháp nội bộ hướng dẫn đo TDS tại hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Thanh Sơn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT**

Trụ sở: 128 Thới An 21, P. Thới An, Q. 12, TP. HCM

Liên hệ: 0982.097.050

MST: 0316.727.024

Email: admin@moitruongnamviet.vn

Website: namvietenvi.com



Số: 0191(1)-09.2023/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tại nhà văn phòng
Ngày lấy mẫu : 30/08/2023 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT6/02/30.08.2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (29,7°C)	-	6,83	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	45,4	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	TSS ^(a)	mg/L	24,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	KPH	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua (Tính theo H ₂ S) ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
6	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	3,36	1,0	12	TCVN 5988:1995
7	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	3,45	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	0,53	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
9	TDS ^(a) (*)	mg/L	369	0 ÷ 1.999	1.200	HD-QT-16*
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	4.200	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng ^(A)	m ³ /h	0,04	0 ÷ 219.600	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động, Vimcerts 026)

*HD-QT-16: Phương pháp nội bộ hướng dẫn đo TDS tại hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Thanh Sơn



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT**

Trụ sở: 128 Thới An 21, P. Thới An, Q. 12, TP. HCM

Liên hệ: 0982.097.050

MST: 0316.727.024

Email: admin@moitruongnamviet.vn

Website: namvietenvi.com



Số: 0191(1)-09.2023/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tại nhà bảo vệ (khu vực nhà máy)
Ngày lấy mẫu : 30/08/2023 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT7/02/30.08.2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (30,2°C)	-	6,74	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	31,4	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	TSS ^(a)	mg/L	16,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	KPH	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua (Tính theo H ₂ S) ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
6	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	1,68	1,0	12	TCVN 5988:1995
7	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	2,21	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	0,6	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
9	TDS ^(a) (*)	mg/L	732	0 ÷ 1.999	1.200	HD-QT-16*
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	3.500	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng ^(A)	m ³ /h	0,015	0 ÷ 219.600	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động, Vincersts 026)

*HD-QT-16: Phương pháp nội bộ hướng dẫn đo TDS tại hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Thanh Sơn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT**

Trụ sở: 128 Thới An 21, P. Thới An, Q. 12, TP. HCM

Liên hệ: 0982.097.050

MST: 0316.727.024

Email: admin@moitruongnamviet.vn

Website: namvietenvi.com



Số: 0191(1)-09.2023/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tại nhà bảo vệ (khu vực kho chứa sản phẩm)
Ngày lấy mẫu : 30/08/2023 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT8/02/30.08.2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (29,4°C)	-	7,02	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	43,8	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	TSS ^(a)	mg/L	38,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	KPH	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua (Tính theo H ₂ S) ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
6	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	3,92	1,0	12	TCVN 5988:1995
7	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	1,17	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	0,31	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
9	TDS ^(a) (*)	mg/L	567	0 ÷ 1.999	1.200	HD-QT-16*
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	2.300	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng ^(Δ)	m ³ /h	0,03	0 ÷ 219.600	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

^(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động, Vimcerts 026)

*HD-QT-16: Phương pháp nội bộ hướng dẫn đo TDS tại hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Thanh Sơn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT**

Trụ sở: 128 Thới An 21, P. Thới An, Q. 12, TP. HCM

Liên hệ: 0982.097.050

MST: 0316.727.024

Email: admin@moitruongnamviet.vn

Website: namvietenvi.com



Số: 0191(1)-09.2023/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tại nhà ăn
Ngày lấy mẫu : 30/08/2023
Mã số mẫu : NT9/02/30.08.2023

Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (30,2°C)	-	6,94	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	55,2	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	TSS ^(a)	mg/L	20,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	1,3	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua (Tính theo H ₂ S) ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
6	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	3,64	1,0	12	TCVN 5988:1995
7	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	2,35	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	2,76	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
9	TDS ^(a) (*)	mg/L	538	0 ÷ 1.999	1.200	HD-QT-16*
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	3.900	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng ^(A)	m ³ /h	0,08	0 ÷ 219.600	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động, Vincerts 026)

*HD-QT-16: Phương pháp nội bộ hướng dẫn đo TDS tại hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Thanh Sơn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT**

Trụ sở: 128 Thới An 21, P. Thới An, Q. 12, TP. HCM

Liên hệ: 0982.097.050

MST: 0316.727.024

Email: admin@moitruongnamviet.vn

Website: namvietenvi.com



Số: 0191(1)-09.2023/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tại nhà điều khiển/ phòng thí nghiệm
Ngày lấy mẫu : 30/08/2023 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT10/02/30.08.2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (29,8°C)	-	6,83	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	53,9	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	TSS ^(a)	mg/L	42,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	KPH	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua (Tính theo H ₂ S) ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
6	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	1,4	1,0	12	TCVN 5988:1995
7	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	0,38	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	2,05	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
9	TDS ^(a) (*)	mg/L	234	0 ÷ 1.999	1.200	HD-QT-16*
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	2.600	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng ^(A)	m ³ /h	0,02	0 ÷ 219.600	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động, Vimcerts 026)

*HD-QT-16: Phương pháp nội bộ hướng dẫn đo TDS tại hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Thanh Sơn



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT**

Trụ sở: 128 Thới An 21, P. Thới An, Q. 12, TP. HCM

Liên hệ: 0982.097.050

MST: 0316.727.024

Email: admin@moitruongnamviet.vn

Website: namvietenvi.com



Số: 0191(1)-09.2023/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tại nhà kho/ xưởng (Workshop)
Ngày lấy mẫu : 30/08/2023 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT11/02/30.08.2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (29,5°C)	-	6,91	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	39,7	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	TSS ^(a)	mg/L	30,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	KPH	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua (Tính theo H ₂ S) ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
6	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	2,8	1,0	12	TCVN 5988:1995
7	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	2,54	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	2,45	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
9	TDS ^(a) (*)	mg/L	514	0 ÷ 1.999	1.200	HD-QT-16*
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	3.400	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng ^(A)	m ³ /h	0,052	0 ÷ 219.600	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động, Vincerts 026)

*HD-QT-16: Phương pháp nội bộ hướng dẫn đo TDS tại hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Thanh Sơn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT**

Trụ sở: 128 Thới An 21, P. Thới An, Q. 12, TP. HCM

Liên hệ: 0982.097.050

MST: 0316.727.024

Email: admin@moitruongnamviet.vn

Website: namvietenvi.com



Số: 0191(1)-09.2023/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tại phòng điều khiển khu vực cảng xuất sản phẩm
Ngày lấy mẫu : 30/08/2023 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT12/02/30.08.2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (29,8°C)	-	6,82	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	43,0	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	TSS ^(a)	mg/L	34,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	KPH	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua (Tính theo H ₂ S) ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
6	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	5,04	1,0	12	TCVN 5988:1995
7	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	2,96	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	1,92	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
9	TDS ^(a) (*)	mg/L	170	0 ÷ 1.999	1.200	HD-QT-16*
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	2.400	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng ^(Δ)	m ³ /h	0,04	0 ÷ 219.600	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

^(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động, Vimcerts 026)

*HD-QT-16: Phương pháp nội bộ hướng dẫn đo TDS tại hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Thanh Sơn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.